

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày 06 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Vần và ông Vũ Xuân Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quốc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1975 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Kinh doanh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Văn T, sinh năm 1949 và bà Trần Thị T, sinh năm 1948; có vợ là Lý Thị X, sinh năm 1984 và 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-01-2022 đến ngày 25-02-2022, tại ngoại - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà H'M, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 5, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Bà H'R, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 5, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- Chị H'B, sinh năm 1988; địa chỉ: Bon P, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Bà H'K, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 5, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- Ông Trần Y, sinh năm 1960; địa chỉ: Bon T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Chị H'D, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 01, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông
- Vắng mặt.
- Anh Vũ Văn C, sinh năm 1984; địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, Lê Văn T được cấp Giấy chứng nhận hộ đăng ký kinh doanh lần đầu với ngành nghề kinh doanh “Dịch vụ cầm đồ, mua bán xe máy cũ, sửa chữa xe máy, nhà nghỉ, nhà trọ”; địa điểm kinh doanh tại đường N, tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, biển hiệu cầm đồ “T.T”. Trong quá trình kinh doanh dịch vụ cầm đồ, T còn làm dịch vụ tín dụng đen; T cho vay dưới hai hình thức là ngắn hạn (thu lãi và gốc cùng lúc) và dài hạn (thu lãi theo tuần hoặc tháng, sau đó thu gốc).

Trong thời gian từ tháng 10-2020 đến tháng 12-2021, Lê Văn T đã cho 69 cá nhân vay tiền với lãi suất giao động từ 1.000đ/triệu/ngày đến 5.000đ/triệu/ngày (tương ứng với mức lãi suất từ 37%/năm đến 182,5%/năm). Trong đó, T cho 08 cá nhân vay tiền với lãi suất từ 3.000đ/triệu/ngày đến 5.000đ/triệu/ngày (tương ứng với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm) cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Cụ thể như sau:

1. Bà H'M vay 02 lần với tổng số tiền 182.000.000đ, với mức lãi suất thỏa thuận là 4.600đ đến 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 171,09% năm đến 182,5%/năm). Khi vay thì 02 bên có viết giấy tờ vay, thu số tiền lãi là 7.300.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp tính là 856.916đ, thu lợi bất chính số tiền là 6.443.084đ. Bà H'M đã thanh toán đủ tiền gốc và lãi, cụ thể như sau:

- Ngày 07-10-2020, bà H'M vay T số tiền 32.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 150.000đ/ngày cho toàn bộ tiền vay (tương đương lãi suất 171,09%/năm), thời gian vay là 02 ngày. Ngày 09-10-2020, H'M trả cho T tiền gốc và 300.000đ tiền lãi, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 35.066đ, số tiền thu lợi bất chính là 264.934 đồng.

- Ngày 17-11-2020, bà H'M vay số tiền 150.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm), thời gian vay là 10 ngày. Ngày 26-11-2020, bà H'M trả tiền gốc và 7.000.000đ tiền lãi cho T (do T bớt cho bà H'M 500.000đ tiền lãi). Trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 821.850đ, số tiền thu lợi bất chính là 5. 598.150 đồng.

2. Bà H'R vay 04 lần với tổng số tiền 780.000.000đ, với mức lãi suất thỏa thuận từ 4.600đ đến 5.000đ/triệu/ngày (tương đương mức lãi suất từ 173,81% - 182,5%/năm). Khi vay thì 02 bên có viết giấy tờ vay, thu số tiền lãi là 80.250.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 10.302.845đ, thu lợi bất chính số tiền là 69.947.155đ. Các lần vay bà H'R đã thanh toán đủ tiền gốc và lãi, cụ thể:

- Ngày 13-10-2020 vay số tiền 150.000.000đ, thời gian vay là 03 ngày, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm). Số tiền thu lãi là 2.250.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 246.555đ, số tiền thu lợi bất chính là 2.003.445đ.

- Ngày 25-11-2020 vay số tiền 100.000.000đ, thời gian vay là 06 ngày, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm). Số tiền thu lãi là 3.000.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 328.740đ, số tiền thu lợi bất chính là 2.671.260 đồng.

- Ngày 25-01-2021 vay số tiền 210.000.000đ, thời gian vay là 10 ngày, với lãi suất thỏa thuận là 1.000.000đ/toàn bộ số tiền vay/ngày (tương đương với mức lãi suất 173,81%/năm). Số tiền lãi đã thu là 10.000.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 1.150.590đ, số tiền thu lợi bất chính là 8.849.410 đồng.

- Ngày 01-11-2021 vay số tiền 320.000.000đ, thời gian vay là 49 ngày, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm). T đã thu số tiền lãi là 65.000.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 8.576.960đ, số tiền thu lợi bất chính là 56.423.040 đồng.

3. Bà H'B vay 07 lần với tổng số tiền 1.970.000.000đ, với lãi suất từ 3.000đ đến 5.000đ/triệu/ngày (tương đương mức lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm). Khi vay thì 02 bên có viết giấy tờ vay. Tổng số tiền lãi đã thu là 187.450.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 40.294.459đ, thu lợi bất chính số tiền là 147.155.541. Các lần vay bà H'B đã thanh toán đủ tiền gốc và lãi, cụ thể:

- Ngày 26-10-2020 vay số tiền 350.000.000đ, thời gian vay là 02 ngày, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm). Số tiền lãi đã thu là 3.500.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 383.530đ, số tiền thu lợi bất chính là 3.116.470 đồng.

- Ngày 02-12-2020 vay số tiền 60.000.000đ, thời gian vay là 06 ngày, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm). Số tiền lãi đã thu là 1.800.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 197.244đ, số tiền thu lợi bất chính là 1.602.756 đồng.

- Ngày 18-12-2020 vay số tiền 150.000.000đ, thời gian vay là 02 ngày, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm). Số tiền lãi đã thu là 1.500.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 164.370đ, số tiền thu lợi bất chính là 1.335.630 đồng.

- Ngày 18-12-2020 vay số tiền 270.000.000đ, thời gian vay là 05 ngày, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm). Số tiền lãi đã thu là 6.750.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 739.665đ, số tiền thu lợi bất chính là 6.010.335 đồng.

- Ngày 29-12-2020 vay số tiền 240.000.000đ, thời gian vay là 22 ngày, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm). Ngày 20-01-2021, bà H'B trả số tiền lãi là 24.400.000đ, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 2.888.160đ, số tiền thu lợi bất chính là 21.511.840 đồng nhưng chưa trả tiền gốc nên T và bà H'B thỏa thuận vay thêm 25 ngày, với lãi suất 3.000đ/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm). Ngày 15-02-2021, bà H'B trả cho T 18.000.000đ tiền lãi suất, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 3.282.000đ, số tiền thu lợi bất chính là 14.718.000 đồng.

- Ngày 12-01-2021 vay số tiền 550.000.000đ, thời gian vay là 2 ngày, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm). Số tiền lãi đã thu là 5.500.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 601.700đ, số tiền thu lợi bất chính là 4.898.300 đồng.

- Ngày 27-01-2021 vay số tiền 350.000.000đ, thời gian vay là 19 ngày. Ngày 15-02-2021, bà H'B trả T số tiền lãi là 31.000.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 3.637.550đ, số tiền thu lợi bất chính là 27.362.450đ. Bà H'B chưa trả tiền gốc khoản vay này mà nhập với khoản vay 240.000.000đ của ngày 29-12-2020 gộp thành khoản vay 590.000.000đ. T và bà H'B thỏa thuận bà H'B tiếp tục vay khoản tiền 590.000.000đ trong thời hạn 88 ngày, kể từ ngày 15-02-2021, với lãi suất 3.000đ/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm). Đến ngày 13-5-2021, bà H'B trả cho T số tiền 95.000.000đ tiền lãi, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 28.400.240đ, số tiền thu lợi bất chính là 66.599.760đ. Đối với số tiền gốc 590.000.000đ bà H'B trả cho Lê Văn T vào ngày 06-7-2021.

4. Bà H'K vay 04 lần với tổng số tiền 1.200.000.000đ, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm). Các lần vay giữa T và bà H'K đều viết giấy vay mượn. Bà H'K thuê chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 123139 mang tên H'K cho T. Bà H'K đã trả cho T 1.200.000.000đ tiền gốc và 23.500.000đ, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 2.575.130đ, thu lợi bất chính số tiền là 20.924.870đ, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 02-11-2020 vay số tiền 200.000.000đ, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm), thời gian vay là 07 ngày, số tiền thu lãi là 7.000.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 767.060đ, số tiền thu lợi bất chính là 6.232.940 đồng.

- Ngày 09-11-2020 vay số tiền 100.000.000đ, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm), thời gian vay là 06 ngày, số tiền thu lãi là

3.000.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 328.740đ, số tiền thu lợi bất chính là 2.671.260 đồng.

- Ngày 18-01-2021 vay số tiền 300.000.000đ, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm), thời gian vay là 06 ngày, số tiền thu lãi là 7.500.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 821.850đ, số tiền thu lợi bất chính là 6.678.150 đồng.

- Ngày 25-01-2021 vay số tiền 600.000.000đ, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm), thời gian vay là 02 ngày, số tiền thu lãi là 6.000.000đ, trong đó số tiền thu lãi hợp pháp là 657.480đ, số tiền thu lợi bất chính là 5.342.520 đồng.

5. Ngày 05-11-2021, ông Trần Y vay T số tiền 400.000.000đ, trong thời hạn 01 ngày, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm). Hai bên có viết giấy vay mượn. Cùng ngày ông Y trả T số tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi. Trong đó tiền lãi hợp pháp là 218.800đ, thu lợi bất chính số tiền là 1.781.200 đồng.

6. Ngày 06-11-2020, chị H'D vay của T số tiền 100.000.000đ, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm), thời gian vay là 18 ngày. Hai bên có viết giấy vay mượn. Đến hạn, chị H'D trả tiền gốc cho T và 7.500.000đ tiền lãi. Trong đó tiền lãi hợp pháp là 986.220đ, thu lợi bất chính số tiền là 6.513.780đ. Chị H'D đã thanh toán đủ tiền gốc và lãi.

7. Ngày 09-11-2021, anh Vũ Văn C vay T số tiền 170.000.000đ, thời gian vay là 02 ngày, số tiền lãi T và anh C thỏa thuận là 1.500.000đ cho cả khoản vay (tương đương với mức lãi suất 161%/năm). Khi vay, hai bên có viết giấy vay mượn. Ngày 10-11-2021, anh C trả cho T toàn bộ tiền gốc và 1.500.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi hợp pháp là 186.286đ, thu lợi bất chính số tiền là 1.313.714 đồng.

8. Ngày 19-11-2021, ông Nguyễn Văn A vay Lê Văn T số tiền 500.000.000đ, với lãi suất là 4.000đ/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 146%/năm), thời gian vay là 01 ngày. Hai bên có viết giấy vay mượn. Cùng ngày ông A đã trả cho T 500.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi. Trong đó tiền lãi hợp pháp là 273.500đ, thu lợi bất chính số tiền là 1.726.500 đồng.

Bản kết luận giám định số: 14/GĐTL-PC09 ngày 25-01-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận chữ viết tại cuốn vở kẻ ô ly trang bìa đề hiệu “Thuận Tiến”, so với chữ viết của Lê Văn T trên tài liệu so sánh là do cùng một người viết ra.

Như vậy, Lê Văn T cho 08 cá nhân nêu trên vay 21 lần tổng số tiền giao dịch là 5.302.000.000đ, thu lãi số tiền 311.500.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 55.694.156 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 255.305.844đ. Tổng số tiền gốc T sử dụng để cho vay là 976.500.000 đồng.

Cáo trạng số: 25/CT-VKS-P1 ngày 23-6-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và không oan.

Tại phiên tòa, bà H’K thỏa thuận với bị cáo về số tiền 60.000.000 đồng bà còn nợ của bị cáo và bà đồng ý trả toàn bộ số nợ này cho bị cáo và bị cáo đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên H’K khi bà thanh toán toàn bộ số nợ 60.000.000 đồng như thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự:

- Truy thu số tiền bị cáo Lê Văn T dùng để cho vay là 976.500.000 đồng và số tiền lãi tương ứng mức cao nhất trong quy định của Bộ luật Dân sự mà Lê Văn T đã thu của người vay là 55.694.156 đồng.

- Buộc Lê Văn T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính 255.805.844đ cho 08 cá nhân gồm (Bà H’M 6.443.084đ; Bà H’R 69.947.155đ; bà H’B 147.155.541đ; bà H’K 20.924.870đ; ông Trần Y 1.781.200đ; chị H’D 6.513.780đ; anh Vũ Văn C 1.313.714đ và ông Nguyễn Văn A 1.726.500đ), được trừ số tiền mà T đã trả là 190.000.000đ (H’B 140.000.000đ; H’R 30.000.000đ và H’K 20.000.000đ).

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 5300222227979 của bị cáo Lê Văn T mở tại Ngân hàng V - Chi nhánh tỉnh Đắk Nông, số tiền phong tỏa 564.311.775 đồng.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bà H’K với bị cáo Lê Văn T về số tiền 60.000.000 đồng còn nợ bị cáo và sau khi bà thanh toán toàn bộ số nợ thì bị cáo đồng ý trả lại cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên H’K.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông xử lý đồ vật, tài sản không liên quan đến vụ án tại Quyết định số 07 ngày 15-5-2022, cụ thể: trả lại 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Kim P; Đỗ Văn K và Phan Thị Thúy H; Đinh Thị L; Trương Đức C; Nguyễn Khánh T và Cao Thị D; Phạm Minh G; Thái Thị Trà M cho người quản lý hợp pháp là bị cáo Lê Văn T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Trong thời gian từ tháng 10-2020 đến tháng 12-2021, Lê Văn T đã làm dịch vụ tín dụng đen cho 08 cá nhân vay tiền gồm các bà H'M, H'R, H'B, H'K, ông Trần Y; chị H'D, anh Vũ Văn C và ông Nguyễn Văn A với lãi suất từ 3.000đ đến 5.000đ/triệu/ngày (tương ứng với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm) vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, với tổng số tiền giao dịch 21 lần cho 08 cá nhân vay là 5.302.000.000đ, thu lãi số tiền 311.500.000đ, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 55.694.156 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 255.305.844đ. Tổng số tiền gốc T sử dụng để cho vay là 976.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức và năng lực pháp luật để biết được việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do mục đích tư lợi cá nhân, đã bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt đủ nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và

bị cáo đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện rất nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng, có trên 02 lần thu lợi bất chính của các lần phạm tội từ 30.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo và tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông xử lý đồ vật, tài sản không liên quan đến vụ án tại Quyết định số 07 ngày 15-5-2022, cụ thể: trả lại 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Kim P; Đỗ Văn K và Phan Thị Thúy H; Đinh Thị L; Trương Đức C; Nguyễn Khánh T và Cao Thị D; Phạm Minh G; Thái Thị Trà M cho người quản lý hợp pháp là bị cáo Lê Văn T, xét thấy có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Truy thu số tiền bị cáo Lê Văn T dùng để cho vay là 976.500.000 đồng và số tiền lãi tương ứng mức cao nhất trong quy định của Bộ luật Dân sự mà Lê Văn T đã thu của người vay là 55.694.156 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Văn T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính 255.805.844đ cho 08 cá nhân gồm: Bà H'M 6.443.084đ; bà H'R 69.947.155đ, được trừ 30.000.000đ đã trả, còn phải trả 39.947.155đ; bà H'B 147.155.541đ, được trừ 140.000.000đ đã trả, còn phải trả 7.155.541đ; bà H'K 20.924.870đ, được trừ 20.000.000đ đã trả, còn phải trả 924.870đ; ông Trần Y 1.781.200đ; chị H'D 6.513.780đ; anh Vũ Văn C 1.313.714đ và ông Nguyễn Văn A 1.726.500đ.

- Đối với 01 điện thoại Galaxy, màu đen và 01 điện thoại Nokia, màu đen thu giữ của bị cáo Lê Văn T cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án.

- Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên H'K không liên quan đến vụ án cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 5300222227979 của bị cáo Lê Văn T mở tại Ngân hàng A - Chi nhánh tỉnh Đắk Nông theo Lệnh phong tỏa tài khoản số: 01/LPT-CSHS ngày 26-01-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 6.400.000 đồng bị cáo Lê Văn T nộp khắc phục hậu quả cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, bà H'K thỏa thuận với bị cáo về số tiền 60.000.000 đồng bà còn nợ của bị cáo và bà đồng ý trả toàn bộ số nợ này cho bị cáo và bị cáo đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên H'K khi bà thanh toán toàn bộ số nợ 60.000.000 đồng như thỏa thuận. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa bà H'K và bị cáo Lê Văn T là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[7]. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà H'K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu số tiền bị cáo Lê Văn T dùng để cho vay là 976.500.000 đồng và số tiền lãi tương ứng mức cao nhất trong quy định của Bộ luật Dân sự mà Lê Văn T đã thu của người vay là 55.694.156 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Văn T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính 255.305.844đ cho 08 cá nhân gồm: Bà H'M 5.943.084đ; bà H'R 69.947.155đ, được trừ 30.000.000đ đã trả, còn phải trả 39.947.155đ; bà H'B 147.155.541đ, được trừ 140.000.000đ đã trả, còn phải trả 7.155.541đ; bà H'K 20.924.870đ, được trừ 20.000.000đ đã trả, còn phải trả 924.870đ; ông Trần Y 1.781.200đ; chị H'D 6.513.780đ; anh Vũ Văn C 1.313.714đ và ông Nguyễn Văn A 1.726.500đ.

- Công nhận sự thỏa thuận của bà H'K thỏa thuận trả số tiền còn nợ bị cáo Lê Văn T là 60.000.000 đồng. Sau khi bà H'K trả toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng cho bị cáo Lê Văn T thì bị cáo Lê Văn T trả cho bà H'K 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên H'K. (Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông chuyển 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên H'K đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông khi bản án có hiệu lực pháp luật để giải quyết theo quy định của pháp luật).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 5300222227979 của bị cáo Lê Văn T mở tại Ngân hàng A - Chi nhánh tỉnh Đắk Nông theo Lệnh phong tỏa tài khoản số: 01/LPT-CSHS ngày 26-01-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 6.400.000 đồng bị cáo nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án. *(Theo giấy Ủy nhiệm chi số 05 vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông tại Kho bạc Nhà nước Đắk Nông ngày 27-6-2022).*

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông xử lý đồ vật, tài sản không liên quan đến vụ án tại Quyết định số 07 ngày 15-5-2022, cụ thể: trả lại 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Kim P; Đỗ Văn K và Phan Thị Thúy H; Đinh Thị L; Trương Đức C; Nguyễn Khánh T và Cao Thị D; Phạm Minh G; Thái Thị Trà M cho người quản lý hợp pháp là bị cáo Lê Văn T.

- Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại Galaxy, màu đen và 01 điện thoại Nokia, màu đen của bị cáo Lê Văn T để bảo đảm công tác thi hành án. *(Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông ngày 27-6-2022).*

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng các điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 3.290.292đ *(Ba triệu hai trăm chín mươi nghìn hai trăm hai mươi hai đồng)*. Bà H'K phải chịu 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Tài Sử